

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V	929.382.873.000	1.045.015.266.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	42.816.673.944	60.575.342.749
1. Tiền	111		7.816.673.944	18.575.342.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	42.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	39.903.056.871	37.792.275.971
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.764.115.000	6.764.115.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.886.470.407)	(5.017.251.307)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.025.412.278	36.045.412.278
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		353.056.195.646	401.680.516.983
1. Phải thu của khách hàng	131	3	84.440.183.832	84.342.831.550
2. Trả trước cho người bán	132	4	13.776.199.182	17.709.353.952
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	85.566.500.000	124.566.500.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	172.178.694.683	176.837.852.532
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.905.382.051)	(1.776.021.051)
IV. Hàng tồn kho	140		476.785.008.085	528.207.406.021
1. Hàng tồn kho	141	8	476.785.008.085	528.207.406.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.821.938.454	16.759.724.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.556.497.646	16.759.724.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.265.440.808	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		711.496.676.610	861.079.208.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.545.412.063	38.390.821.078
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	3	3.411.400.228	11.256.809.243
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	27.134.011.835	27.134.011.835
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.722.117.540	189.963.981.554
1. TSCĐ hữu hình	221	10	16.696.611.518	189.912.249.532
- Nguyên giá	222		24.034.952.927	202.406.369.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.338.341.409)	(12.494.119.719)
3. TSCĐ vô hình	227	11	25.506.022	51.732.022
- Nguyên giá	228		337.728.000	337.728.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(312.221.978)	(285.995.978)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	261.905.916.908	105.856.776.554
- Nguyên giá	231		273.707.644.745	107.081.636.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.801.727.837)	(1.224.860.164)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.493.520.213	66.493.520.213
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	66.493.520.213	66.493.520.213
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2	310.890.502.434	422.404.832.365
1. Đầu tư vào Công ty con	251		265.054.194.016	355.050.194.016
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		81.672.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.500.000.000	91.172.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.335.691.582)	(23.817.361.651)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.939.207.452	37.969.276.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	24.939.207.452	37.969.276.872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.640.879.549.610	1.906.094.474.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		768.725.073.079	1.011.000.037.337
I. Nợ ngắn hạn	310		605.044.874.680	895.630.596.406
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	14	77.856.139.284	89.344.730.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	88.420.734.964	175.052.735.650
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313	16	162.720.862	572.128.041
4. Phải trả người lao động	314		1.134.940.990	4.318.496.349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	79.107.808.309	92.849.850.808
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	152.603.418.021	152.919.108.030
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	205.661.122.354	380.475.557.454
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		97.989.896	97.989.896
II. Nợ dài hạn	330		163.680.198.399	115.369.440.931
7. Phải trả dài hạn khác	337	18	45.947.798.399	45.889.440.931
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	117.732.400.000	69.480.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	872.154.476.531	895.094.437.312
I. Vốn chủ sở hữu	410		872.154.476.531	895.094.437.312
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		840.839.760.000	840.839.760.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		840.839.760.000	840.839.760.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.314.716.531	54.254.677.312
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.254.677.312	102.441.789.873
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(22.939.960.781)	(48.187.112.561)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.640.879.549.610	1.906.094.474.649

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CPĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI LẬP



TRẦN THÚY HÀ

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ THANH LOAN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHƯƠNG DUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2024

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III năm 2024	Quý III năm 2023	Lũy kế đến quý III năm 2024	Lũy kế đến quý III năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI	40.934.701.250	46.444.075.071	136.093.964.029	150.227.375.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1	40.934.701.250	46.444.075.071	136.093.964.029	150.227.375.632
4. Giá vốn hàng bán	11	2	27.218.519.067	34.690.165.898	94.568.629.220	100.436.007.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.716.182.183	11.753.909.173	41.525.334.809	49.791.368.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	3.190.049.624	6.077.603.475	14.041.222.295	19.859.878.930
7. Chi phí tài chính	22	4	13.261.348.744	14.307.360.029	45.882.054.051	40.425.148.100
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.223.208.902	9.386.558.840	21.117.526.951	30.793.522.810
8. Chi phí bán hàng	25	5	4.801.891.618	11.162.403.594	17.389.978.429	19.345.214.932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6	5.155.574.396	6.490.814.198	17.418.622.223	23.633.446.683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(6.312.582.951)	(14.129.065.173)	(25.124.097.599)	(13.752.562.708)
11. Thu nhập khác	31	7	1.162.053.641	3.619.972.234	2.385.774.048	6.861.905.053
12. Chi phí khác	32	7	31.485.455	3.545.243.510	201.637.230	6.632.751.391
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.130.568.186	74.728.724	2.184.136.818	229.153.662
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(5.182.014.765)	(14.054.336.449)	(22.939.960.781)	(13.523.409.046)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III năm 2024	Quý III năm 2023	Lũy kế đến quý III năm 2024	Lũy kế đến quý III năm 2023
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	1.056.449.280
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.182.014.765)	(14.054.336.449)	(22.939.960.781)	(14.579.858.326)

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHƯƠNG DUNG

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ THANH LOAN

NGƯỜI LẬP

TRẦN THÚY HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đến Quý III năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	(22.939.960.781)	(13.523.409.046)
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02	5.689.133.421	3.815.591.691
	- Các khoản dự phòng	03	22.516.910.031	4.057.954.185
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.989.195.406)	(17.391.358.941)
	- Chi phí lãi vay	06	21.117.526.951	30.793.522.810
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.394.414.216	7.752.300.699
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	25.106.250.739	99.900.195.519
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	62.925.988.175	79.186.936.434
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(115.296.489.404)	(158.133.680.383)
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	13.030.069.420	(2.961.275.579)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(150.990.482)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(20.667.454.233)	(24.117.636.429)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(543.446.497)	(7.711.421.620)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.050.667.584)	(6.235.571.841)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
2.	Thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	3.500.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.980.000.000)	(12.750.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	76.000.000.000	117.125.169.388
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000)	(6.486.332.369)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	2.873.169.728	1.307.418.703
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.892.669.728	99.196.255.722
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-

2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	115.808.200.001	43.886.690.229
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(153.408.870.950)	(99.625.159.469)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(37.600.670.949)</i>	<i>(55.738.469.240)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(17.758.668.805)	37.222.214.641
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.575.342.749	49.316.447.253
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	42.816.673.944	86.538.661.894

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CPĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI LẬP



TRẦN THÚY HÀ

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ THANH LOAN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHƯƠNG DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 3 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty thường trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Đường Yên Ninh, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	55%	55%	55%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bán hàng dự án

Chi phí bán hàng dự án (bao gồm: chi phí hoa hồng môi giới, chi phí thương bán hàng,...) được phân bổ vào chi phí tương ứng số căn hộ đã bàn giao cho khách hàng trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20-50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định khác	3-7

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản của Công ty được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	61.943.273	118.292.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.644.700.905	18.346.624.260
Tiền gửi tại công ty chứng khoán	110.029.766	110.425.559
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	42.000.000.000
Tổng	42.816.673.944	60.575.342.749

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	6.764.115.000	1.877.644.593	(4.886.470.407)	6.764.115.000	1.746.863.693	(5.017.251.307)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	3.920.700.000	1.381.580.000	(2.539.120.000)	3.920.700.000	1.250.890.000	(2.669.810.000)
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	2.138.120.000	-	(2.138.120.000)	2.138.120.000	-	(2.138.120.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	701.190.000	494.034.493	(207.155.507)	701.190.000	494.034.493	(207.155.507)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	4.105.000	2.030.100	(2.074.900)	4.105.000	1.939.200	(2.165.800)
Tổng	6.764.115.000	1.877.644.593	(4.886.470.407)	6.764.115.000	1.746.863.693	(5.017.251.307)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

2b. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế (a)	168.980.000.000	(21.239.782.972)	168.980.000.000	(3.181.009.449)
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên (b)	18.961.694.016	(14.595.908.610)	18.957.694.016	(12.386.604.292)
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô (c)		-	90.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Dubai (d)	77.112.500.000		77.112.500.000	
Tổng	265.054.194.016	(35.835.691.582)	355.050.194.016	(15.567.613.741)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301232560 thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế 168.980.000.000 VND, tương đương 99,99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm.
- (b) Theo Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4601240821 ngày 27 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên 99.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm, Công ty đã đầu tư 18.961.694.016 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 80.038.305.984 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301579393 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô "Lagoon Lăng Cô" 90.000.000.000 VND, tương đương 90,16% vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2024.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500626924 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai 357.500.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc quý, Công ty đã đầu tư 77.112.500.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 280.387.500.000 VND.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Thương Mại và Du Lịch Kim Bôi	81.672.000.000	-		-
Tổng	81.672.000.000	-	-	-

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Quản lý vận hành Bất động sản Mandala	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)
Công ty CP Quản lý Khách Sạn và Dịch Vụ Mandala	8.000.000.000	(8.000.000.000)	8.000.000.000	(6.749.747.910)
Công ty CP Thương Mại và Du Lịch Kim Bôi		-	81.672.000.000	
Tổng	9.500.000.000	(9.500.000.000)	91.172.000.000	(8.249.747.910)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Phải thu các khách hàng ngắn hạn</i>	84.440.183.832	84.342.831.550
Phải thu KH mua BĐS	64.786.194.396	65.925.262.843
Phải thu hoạt động khác	19.653.989.436	18.417.568.707
Tổng	84.440.183.832	84.342.831.550

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Trả trước cho người bán</i>	13.776.199.182	17.709.353.952
Các nhà cung cấp	13.776.199.182	17.709.353.952
Tổng	13.776.199.182	17.709.353.952

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Châu á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP Thương mại và Du lịch Kim Bôi	9.888.000.000	9.888.000.000
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Thiên Đường Hồng		9.000.000.000
Công ty CP Tập Đoàn APEC GROUP	68.000.000.000	98.000.000.000
Tổng	85.566.500.000	124.566.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

6. Các khoản phải thu khác

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	172.178.694.683		176.837.852.532	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>172.178.694.683</i>		<i>176.837.852.532</i>	
Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn & Dịch vụ Mandala	836.587.001	-	2.406.535.958	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group - phải thu về lãi cho vay	33.920.904.110	-	25.778.630.137	-
Công ty Cổ phần Quản lý vận hành Bất động sản Mandala - Chi hộ	8.402.347.184	-	7.127.444.882	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay khác	9.731.491.933	-	9.087.213.733	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% của BĐS	3.824.268.140	-	4.724.702.354	-
Ký cược, ký quỹ thực hiện dự án	2.821.695.000	-	2.821.695.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Đô thị	7.194.490.000	-	7.194.490.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	1.461.098.582	-	1.461.098.582	-
Tạm ứng	99.608.132.351	-	110.576.067.701	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.377.680.382	-	5.659.974.185	-
b) Dài hạn	27.134.011.835		27.134.011.835	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>27.134.011.835</i>		<i>27.134.011.835</i>	
Ký cược, ký quỹ thực hiện dự án	-	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	31.250.000	-	31.250.000	-
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	7.944.624.105	-	7.944.624.105	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Thái Nguyên	19.158.137.730	-	19.158.137.730	-
Cộng	199.312.706.518		203.971.864.367	

7. Nợ xấu

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu tiền bán hàng	2.905.382.051	1.776.021.051
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110.000.000	110.000.000
Takaaki Iwai	98.477.095	98.477.095
Công ty CP Đầu tư DPA	634.500.000	634.500.000
Các khách hàng khác	2.062.404.956	933.043.956
Tổng	2.905.382.051	1.776.021.051

8. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	293.355.332.009	292.456.128.703
<i>Dự án Khu công nghiệp Đa Hội</i>	114.720.221.255	114.106.751.885
<i>Dự án Aqua Park Bắc Giang (tòa OCT5)</i>	71.020.876.293	71.020.876.293
<i>Dự án Apec Golden Place Lạng Sơn</i>	88.280.965.009	88.280.965.009
<i>Dự án KĐT số 5 Phường Túc Duyên</i>	1.057.794.210	1.057.794.210
<i>Dự án khác</i>	18.275.475.242	17.989.741.306
Hàng hóa BĐS	170.520.348.231	222.245.021.866
<i>Dự án Mandala Phú Yên</i>	154.210.752.287	197.781.786.133
<i>Dự án Aqua Park Bắc Giang (tòa OCT8)</i>	16.309.595.944	24.463.235.733
Hàng hóa	12.909.327.845	13.506.255.452
<i>Hàng hóa nội thất</i>	12.909.327.845	13.506.255.452
Tổng	476.785.008.085	528.207.406.021

9. Chi phí trả trước

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	24.939.207.452	37.969.276.872
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.182.401.326	1.365.022.737
Chi phí hoa hồng mua giới, thưởng bán hàng	21.011.090.029	36.526.479.235
<i>Dự án Aqua Park Bắc Giang (Tòa OCT8)</i>	306.484.768	604.085.240
<i>Dự án Mandala Phú Yên (Condotel)</i>	19.400.129.005	34.678.109.103
<i>Các dự án khác</i>	1.304.476.256	1.244.284.892
Chi phí lợi nhuận cam kết	2.745.716.097	
Các chi phí trả trước dài hạn khác		77.774.900
Tổng	24.939.207.452	37.969.276.872

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	196.560.414.828	1.788.246.728	518.475.186	3.539.232.509	202.406.369.251
Mua mới		-		-	-
XDCBDD				-	-
Giảm trong năm	(178.321.426.654)		(49.989.670)		(178.371.416.324)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(178.321.426.654)				(178.321.426.654)
Thanh lý			(49.989.670)		(49.989.670)
Số dư tại 30/09/2024	18.238.988.174	1.788.246.728	468.485.516	3.539.232.509	24.034.952.927

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2024	10.320.799.076	929.609.875	483.196.183	760.514.585	12.494.119.719
Tăng trong năm	683.962.056	134.118.504	18.647.343	274.510.197	1.111.238.100
Khấu hao trong năm	683.962.056	134.118.504	18.647.343	274.510.197	1.111.238.100
Giảm trong năm	(6.217.026.740)		(49.989.670)		(6.267.016.410)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(6.217.026.740)				(6.217.026.740)
Giảm do thanh lý			(49.989.670)		(49.989.670)
Số dư tại 30/09/2024	4.787.734.392	1.063.728.379	451.853.856	1.035.024.782	7.338.341.409

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2024	186.239.615.752	858.636.853	35.279.003	2.778.717.924	189.912.249.532
Tại 30/09/2024	13.451.253.782	724.518.349	16.631.660	2.504.207.727	16.696.611.518

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	337.728.000	(285.995.978)	51.732.022
Khấu hao trong năm		(26.226.000)	(26.226.000)
Số cuối năm	337.728.000	(312.221.978)	25.506.022

12. Bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2024

Khoản mục	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	107.081.636.718		107.081.636.718
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình XDCBDD		178.321.426.654	178.321.426.654
Giảm trong năm	(11.695.418.627)	-	(11.695.418.627)
Thanh lý, nhượng bán	(11.695.418.627)		(11.695.418.627)
Số dư tại 30/09/2024	95.386.218.091	178.321.426.654	273.707.644.745
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	1.224.860.164		1.224.860.164
Tăng trong năm	1.684.827.349	2.866.841.972	4.551.669.321
Khấu hao trong năm	1.684.827.349	2.866.841.972	4.551.669.321
Giảm trong năm	(191.828.388)	6.217.026.740	6.025.198.352
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	6.217.026.740	6.217.026.740
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(191.828.388)	-	(191.828.388)
Số dư tại 30/09/2024	2.717.859.125	9.083.868.712	11.801.727.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	105.856.776.554	-	105.856.776.554
Tại 30/09/2024	92.668.358.966	169.237.557.942	261.905.916.908

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66.493.520.213	66.493.520.213
Dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên	58.700.637.271	58.700.637.271
Các dự án khác	7.792.882.942	7.792.882.942
Tổng	66.493.520.213	66.493.520.213

14. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>35.456.357.674</i>	<i>42.315.105.393</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	34.987.336.505	40.389.375.625
Công ty CP Tập Đoàn APEC GROUP	185.421.169	1.624.629.768
Công ty Cổ phần Quản lý khách sạn và Dịch vụ Mandala	283.600.000	301.100.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>42.399.781.610</i>	<i>47.029.624.785</i>
Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Xây Dựng Ricons	20.770.547.569	16.482.655.152
Các nhà cung cấp khác	21.629.234.041	30.546.969.633
Cộng	77.856.139.284	89.344.730.178
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
Trả trước của khách hàng	88.420.734.964	175.052.735.650
Dự án Apec Aqua Park Bắc Giang	4.591.534.259	9.988.767.433
Dự án Đa Hội	4.773.842.332	4.773.842.332
Dự án Phú Yên	75.342.710.226	146.477.845.146
Nội thất	3.712.648.147	13.812.280.739
	88.420.734.964	175.052.735.650
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/2024	01/01/2024
	(VND)	(VND)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	162.720.862	572.128.041
Thuế GTGT vãng lai		245.608.944
Thuế TNDN	-	177.561.256
Thuế TNCN	162.720.862	148.957.841
	162.720.862	572.128.041
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2024

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	79.107.808.309	92.849.850.808
Trích trước chi phí dự án Phú Yên	41.961.605.491	49.650.705.253
Trích trước chi phí dự án Bắc Giang	23.417.561.919	27.604.796.168
Trích trước chi phí mua nội thất dự án Mũi Né	2.016.800.105	
Chi phí lãi vay phải trả	10.354.796.298	13.826.762.941
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.357.044.496	1.767.586.446
Cộng	79.107.808.309	92.849.850.808
18. Phải trả khác		
	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác	152.603.418.021	152.919.108.030
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	152.603.418.021	152.919.108.030
Kinh phí công đoàn	237.914.324	209.683.652
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp		229.165.885
Nhận tiền góp vốn của các tổ chức, cá nhân vào dự án	126.466.340.099	131.537.716.553
<i>Dự án KĐT số 5 phường Túc Duyên</i>	<i>46.760.720.298</i>	<i>46.760.720.298</i>
<i>Dự án Mandala Phú Yên</i>	<i>25.182.744.230</i>	<i>28.357.723.351</i>
<i>Dự án Trung tâm Thương mại Thái Nguyên</i>	<i>45.442.013.450</i>	<i>45.442.013.450</i>
<i>Dự án Aquapark Bắc Giang</i>	<i>460.001.000</i>	<i>795.189.624</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Đa Hội - Bắc Ninh</i>	<i>8.620.861.121</i>	<i>10.182.069.830</i>
Nhận đặt cọc mua nội thất Dự Án Mũi Né	518.505.000	1.051.265.000
Thu hộ phí bảo trì	19.869.483.953	16.719.511.901
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.100.000.000	2.605.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	656.640.000	531.525.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.754.534.645	35.240.039
Cộng	152.603.418.021	152.919.108.030
b. Phải trả dài hạn khác	45.947.798.399	45.889.440.931
Công ty Cổ phần BĐS An Phát Land	45.860.005.476	45.860.005.476
Đặt cọc khác	87.792.923	29.435.455
Cộng	198.551.216.420	198.808.548.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÁU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

Khoản mục	30/09/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Trong năm		
19. Vay ngắn hạn/dài hạn						
a) Vay ngắn hạn	205.661.122.354	205.661.122.354	67.555.800.001	242.370.235.101	380.475.557.454	380.475.557.454
Công ty Cổ phần Apec Land Huế	124.857.622.354	124.857.622.354	-	6.500.000.000	131.357.622.354	131.357.622.354
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	-	-	-	89.449.835.100	89.449.835.100	89.449.835.100
Vay ngắn hạn các cá nhân	45.900.899.999	45.900.899.999	32.653.200.000	146.420.400.001	159.668.100.000	159.668.100.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	34.902.600.001	34.902.600.001	34.902.600.001			
b) Vay dài hạn	117.732.400.000	117.732.400.000	83.155.000.001	34.902.600.001	69.480.000.000	69.480.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	152.635.000.001	152.635.000.001	83.155.000.001		69.480.000.000	69.480.000.000
Chuyển sang nợ vay ngắn hạn	(34.902.600.001)	(34.902.600.001)	34.902.600.001			
Tổng	323.393.522.354	323.393.522.354	150.710.800.002	277.272.835.102	449.955.557.454	449.955.557.454

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÁU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	840.839.760.000	-	-	102.441.789.873	943.281.549.873
Tăng trong năm	-	-	-	(48.187.112.561)	(48.187.112.561)
Lợi nhuận sau thuế	840.839.760.000	-	-	54.254.677.312	895.094.437.312
Số dư tại 31/12/2023	840.839.760.000	-	-	54.254.677.312	895.094.437.312
Tăng trong năm	-	-	-	(22.939.960.781)	(22.939.960.781)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2024	840.839.760.000	-	-	31.314.716.531	872.154.476.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2024

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.083.976	84.083.976
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	84.083.976	84.083.976
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>84.083.976</i>	<i>84.083.976</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	84.083.976	84.083.976
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>84.083.976</i>	<i>84.083.976</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Doanh thu BĐS	119.475.286.774	135.255.917.115
Doanh thu cho thuê lại đất		8.468.436.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng	4.344.232.814	6.503.022.487
Doanh thu bán nội thất	12.274.444.441	
Tổng	136.093.964.029	150.227.375.632

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến nay	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Giá vốn BĐS	67.071.929.258	78.805.182.804
Giá vốn cho thuê lại đất		2.655.204.689
Giá vốn cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng	20.456.484.778	18.975.620.062
Giá vốn bán nội thất	7.040.215.184	
Tổng	94.568.629.220	100.436.007.555

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Cổ tức LN được chia		43.844.718
Lãi tiền gửi ngân hàng, Lãi cho vay	10.985.695.406	19.816.034.212
Doanh thu tài chính khác	3.055.526.889	
Tổng	14.041.222.295	19.859.878.930

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	21.117.526.951	32.777.034.431
Dự phòng giảm giá đầu tư/ chứng khoán kinh doanh	21.387.549.031	3.173.910.229
Chi phí thu xếp vốn	2.977.699.792	4.474.203.440
Chi phí tài chính khác	399.278.277	
Tổng	45.882.054.051	40.425.148.100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2024

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.389.978.429	19.345.214.932
Tổng	17.389.978.429	19.345.214.932

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.652.860.444	19.264.335.842
Chi phí vật liệu quản lý	123.103.260	261.873.935
Chi phí khấu hao	242.447.931	251.311.563
Thuế, phí, lệ phí	6.134.092	6.689.972
Chi phí dự phòng	1.129.361.000	884.043.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.626.508.074	1.711.151.706
Chi phí khác bằng tiền	638.207.422	1.254.039.709
Tổng	17.418.622.223	23.633.446.683

7. Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến	
	Quý III/2024 VND	Quý III/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	2.385.774.048	6.861.905.053
Tổng	2.385.774.048	6.861.905.053
Chi phí khác		
Chi phí khác	201.637.230	6.632.751.391
Tổng	201.637.230	6.632.751.391
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.184.136.818	229.153.662

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thúy Hà

Q. Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Loan

Tổng giám đốc

Nguyễn Phương Dung